

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng
chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Nông học
của Trường Đại học Tây Bắc

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 685/QĐ-KĐCLGDTL ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 1465/QĐ-KĐCLGDTL ngày 18 tháng 11 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc điều chỉnh nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên 23 thẩm định kết quả đánh giá chất lượng 36 chương trình đào tạo của các Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải, Trường Đại học Tây Bắc, Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật - Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Cao đẳng Huế, Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Nông học của Trường Đại học Tây Bắc;

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên họp thứ 23 ngày 25 và 26 tháng 11 năm 2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Nông học của Trường Đại học Tây Bắc. Đoàn Đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Nông học của Trường Đại học Tây Bắc đúng quy định hiện hành.

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Nông học của Trường Đại học Tây Bắc sau thẩm định là: Số tiêu chí được đánh giá “Đạt” từ 4 điểm trở lên là 46 tiêu chí chiếm 92%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu (Chi tiết trong Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Kiến nghị Trường Đại học Tây Bắc cần thực hiện các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Nông học (Chi tiết trong Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này).

Điều 3. Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Nông học của Trường Đại học Tây Bắc theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng KĐCLGD;
- Trường ĐH Tây Bắc;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Đường



Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Nông học
của Trường Đại học Tây Bắc

(Kèm theo Nghị quyết số 147/NQ-HĐKĐCLGD ngày 26/11/2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1		4,00	3	100	Tiêu chuẩn 7		4,00	5	100
Tiêu chí 1.1	4				Tiêu chí 7.1	4			
Tiêu chí 1.2	4				Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 1.3	4				Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chuẩn 2		3,67	2	66,67	Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 2.1	4				Tiêu chí 7.5	4			
Tiêu chí 2.2	3				Tiêu chuẩn 8		4,20	5	100
Tiêu chí 2.3	4				Tiêu chí 8.1	4			
Tiêu chuẩn 3		3,67	2	66,67	Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 3.1	4				Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 3.2	3				Tiêu chí 8.4	5			
Tiêu chí 3.3	4				Tiêu chí 8.5	4			
Tiêu chuẩn 4		4,00	3	100	Tiêu chuẩn 9		4,20	5	100
Tiêu chí 4.1	4				Tiêu chí 9.1	5			
Tiêu chí 4.2	4				Tiêu chí 9.2	4			
Tiêu chí 4.3	4				Tiêu chí 9.3	4			
Tiêu chuẩn 5		3,80	4	80	Tiêu chí 9.4	4			
Tiêu chí 5.1	4				Tiêu chí 9.5	4			
Tiêu chí 5.2	4				Tiêu chuẩn 10		4,00	5	83,33
Tiêu chí 5.3	3				Tiêu chí 10.1	4			
Tiêu chí 5.4	4				Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 5.5	4				Tiêu chí 10.3	4			
Tiêu chuẩn 6		4,14	7	100	Tiêu chí 10.4	5			
Tiêu chí 6.1	4				Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 6.2	4				Tiêu chí 10.6	3			
Tiêu chí 6.3	4				Tiêu chuẩn 11		4,20	5	100
Tiêu chí 6.4	4				Tiêu chí 11.1	4			
Tiêu chí 6.5	4				Tiêu chí 11.2	5			
Tiêu chí 6.6	4				Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 6.7	5				Tiêu chí 11.4	4			
					Tiêu chí 11.5	4			

Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
4,02	46	92



Phụ lục II
KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG
Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Nông học
của Trường Đại học Tây Bắc

(Kèm theo Nghị quyết số 147/NQ-HĐKĐCLGD ngày 26/11/2025
 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

I. NHỮNG ĐIỂM MẠNH NỔI BẬT

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học ngành Nông học của Trường Đại học Tây Bắc, giai đoạn 2019 - 2024 cho thấy có những điểm mạnh cần tiếp tục phát huy như sau:

1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường cũng như mục tiêu của giáo dục đại học theo Luật Giáo dục đại học. Chuẩn đầu ra của CTĐT nêu rõ yêu cầu về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm và phẩm chất đạo đức, qua đó giúp người học định hướng năng lực và vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT được rà soát theo kế hoạch của Trường, có sự góp ý từ các bên liên quan, được công bố công khai giúp các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

2. Bản mô tả CTĐT được rà soát, cập nhật đầy đủ thông tin. Đề cương chi tiết học phần được xây dựng theo biểu mẫu thống nhất, bảo đảm đầy đủ thông tin về mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung, phương pháp dạy học và tài liệu tham khảo. Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần được công khai minh bạch, được phổ biến đến người giảng viên, người học và các bên liên quan.

3. Chương trình dạy học được xây dựng dựa trên chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng và đạo đức, thể hiện rõ trong ma trận liên kết học phần - chuẩn đầu ra. Chương trình được rà soát, điều chỉnh, phân bổ hợp lý giữa các khối kiến thức đại cương, cơ sở, chuyên ngành và thực tập, cấu trúc đảm bảo tính toàn diện, gắn kết từ cơ bản đến nâng cao, tăng cường tính thực tiễn và tự chủ cho người học. Chương trình áp dụng đa dạng phương pháp dạy học và phương pháp kiểm tra đánh giá, gắn kết chặt chẽ giữa chuẩn đầu ra - nội dung - phương pháp - đánh giá, được rà soát, cập nhật với sự tham gia góp ý của các bên liên quan, bảo đảm tính hiện đại và phù hợp yêu cầu xã hội.

4. Triết lý giáo dục của Trường được tuyên bố chính thức, được công khai dưới nhiều hình thức và phổ biến đến giảng viên, người học và các bên liên quan. Các hoạt động dạy và học được thiết kế đa dạng, phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra của từng học phần. Các hình thức học tập tích cực như làm việc nhóm, tự học, nghiên cứu khoa học được khuyến khích nhằm phát triển tư duy phản biện, sáng tạo và kỹ năng nghề nghiệp. Sinh viên được trải nghiệm kết hợp lý thuyết, thực hành, thực tập và nghiên cứu khoa học, qua đó rèn luyện kỹ năng mềm, tinh thần hợp tác, ý thức trách nhiệm và khả năng học tập suốt đời.

5. Quy trình hướng dẫn thiết kế công cụ, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập phù hợp nhằm đạt chuẩn đầu ra, có các quy định về thời gian, hình

thức, phương pháp, tiêu chí đánh giá, trọng số liên quan đến đánh giá kết quả học tập của sinh viên và được công bố công khai đến sinh viên trước mỗi đợt thi kết thúc học phần. Các phương pháp kiểm tra đánh giá được thiết kế định hướng tương thích với chuẩn đầu ra của học phần góp phần hỗ trợ sinh viên đạt được chuẩn đầu ra. Hệ thống quy định về phản hồi kết quả học tập của sinh viên và quy trình khiếu nại kết quả học tập được xác định rõ ràng, được phổ biến đến giảng viên và người học.

6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được quy hoạch, phát triển theo mục tiêu chiến lược đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ trở lên đảm bảo yêu cầu CTĐT. Khối lượng công việc của giảng viên được xác định theo chức danh giảng viên và quy đổi rõ ràng từng hoạt động làm cơ sở để đánh giá, xếp loại. Năng lực của giảng viên được xác định rõ ràng cho từng chức danh giảng viên cụ thể. Nhà trường/Khoa thực hiện chặt chẽ việc quản trị công việc của giảng viên, nghiên cứu viên theo quy định. Hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên CTĐT có nhiều cố gắng đáng ghi nhận.

7. Đội ngũ nhân viên được quy hoạch dựa trên dự báo nhu cầu thực tế trong hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng, đáp ứng yêu cầu công việc được giao, góp phần hỗ trợ hiệu quả các hoạt động của Nhà trường. Các văn bản quy định về tuyển dụng, bổ nhiệm, luân chuyển được ban hành với các tiêu chí rõ ràng, phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành, được phổ biến rộng rãi thông qua nhiều kênh thông tin khác nhau nhằm đảm bảo sự tiếp cận và thực hiện thống nhất. Hệ thống văn bản quy định, hướng dẫn để đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên được xây dựng đầy đủ; có các tiêu chí và hướng dẫn thực hiện chi tiết về đánh giá chất lượng lao động hàng tháng và xếp loại chất lượng viên chức và người lao động hàng năm. Triển khai đánh giá hiệu quả công việc dựa trên mô tả năng lực vị trí việc làm; đội ngũ nhân viên có tham gia xây dựng, góp ý quy định đánh giá hiệu quả công việc và hài lòng với kết quả đánh giá.

8. Chính sách và quy định, tiêu chí, phương pháp tuyển sinh rõ ràng, đúng các quy định hiện hành và được công khai và cập nhật hằng năm. Số sinh viên nhập học và điểm trúng tuyển có xu hướng gia tăng trong 3 năm gần đây. Hệ thống giám sát về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học được thiết lập. Hoạt động theo dõi sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện trên phần mềm Edusoft và phần mềm S-soft. Hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khoá và tư vấn việc làm cho người học được tổ chức thường xuyên, đa dạng. Người học hài lòng về hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khoá và tư vấn việc làm.

9. Hệ thống phòng làm việc của giảng viên và văn phòng khoa với đầy đủ bàn, ghế, máy tính nối mạng, điện, ánh sáng, quạt, điều hoà, có cabin cho mỗi giảng viên. Các phòng học, hội thảo mới được trang bị bảng trượt và máy chiếu tương tác, kết nối internet đáp ứng tốt cho đào tạo và nghiên cứu khoa học. Thư viện Nhà trường có diện tích rộng, có đủ tài liệu và đáp ứng chỗ ngồi đọc cho

người học, có phần mềm quản lý. Hệ thống phòng thực hành có các thiết bị cơ bản phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu, đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra của ngành học. Hệ thống công nghệ thông tin như máy tính, internet và các phần mềm hỗ trợ công việc cơ bản đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học. Nhà trường đã ban hành một số quy định cụ thể các tiêu chuẩn về môi trường, sức khoẻ và an toàn. Trường có môi trường học tập an toàn, có quan tâm đến nhu cầu của người khuyết tật.

10. Hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được thiết lập với sự tham gia của một số đơn vị trong Trường. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được thu thập, xử lý và sử dụng để thiết kế, phát triển chương trình dạy học. Quy trình thiết kế và phát triển CTĐT và chương trình dạy học của Trường được thiết lập, được triển khai thực hiện; được rà soát đánh giá và cải tiến. Hoạt động dạy học, kiểm tra đánh giá của giảng viên đối với người học và chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác được quy định rõ ràng, được đánh giá làm cơ sở cải tiến, nâng cao chất lượng. Giảng viên, nghiên cứu viên tham gia thực hiện CTĐT có nhiều đề tài nghiên cứu khoa học liên quan đến hoạt động dạy và học, có nhiều bài báo công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế và trong nước có nội dung được truyền tải thành nội dung giảng dạy và cải tiến hoạt động giảng dạy của giảng viên và hoạt động học tập của người học.

11. Nhà trường thực hiện tương đối tốt công tác giám sát, thống kê tỉ lệ sinh viên thôi học, tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp và tính thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên các khóa đã tốt nghiệp. Tỉ lệ sinh viên thôi học giảm dần, tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn khá cao (92,5%) và đã có sinh viên tốt nghiệp trước hạn. Tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm cao, đạt 93,3% và tỉ lệ sinh viên tự tạo được việc làm đạt 36,3%. Hoạt động khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan được triển khai định kỳ và một số kết quả khảo sát đã được phân tích, đối sánh để đề xuất giải pháp và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng.

II. KIẾN NGHỊ

Tuy nhiên, CTĐT còn những điểm tồn tại cần khắc phục (Chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài). Trên cơ sở hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại phiên họp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp sau đây:

1. Làm rõ định hướng đào tạo của ngành; điều chỉnh cách diễn đạt các động từ trong chuẩn đầu ra theo hướng súc tích, rõ ràng, bảo đảm phù hợp với khung năng lực và dễ dàng cho việc đánh giá kết quả học tập của người học; đa dạng hóa các kênh truyền thông về chuẩn đầu ra và lồng ghép giới thiệu trong quá trình giảng dạy, nhằm giúp sinh viên hiểu rõ hơn ý nghĩa và sự gắn kết của chuẩn đầu ra với học phần và nghề nghiệp tương lai.

2. Bổ sung trong mục mô tả học phần các thông tin thể hiện rõ mức độ đóng góp vào việc đạt chuẩn đầu ra để thuận lợi cho việc theo dõi và đánh giá;; điều

chỉnh chuẩn đầu ra của các học phần bám sát mục tiêu đào tạo, cụ thể hóa thành kiến thức, kỹ năng, thái độ để dễ áp dụng trong thực tiễn; đảm bảo sự gắn kết hợp lý giữa nội dung học phần và chuẩn đầu ra; cập nhật, bổ sung tài liệu tham khảo mới, đặc biệt là các tài liệu pháp luật và chuyên ngành; thiết lập quy trình cập nhật CTĐT kịp thời, phân công rõ trách nhiệm và tăng cường giám sát để bảo đảm thông tin công khai luôn đồng bộ với phiên bản đã điều chỉnh.

3. Tăng cường cơ chế tham vấn và huy động sự tham gia của các bên liên quan trong quá trình thiết kế, rà soát và phát triển chương trình dạy học, nhằm bảo đảm chương trình phù hợp hơn với chuẩn đầu ra và yêu cầu thực tiễn nghề nghiệp; rà soát, điều chỉnh mức độ đóng góp của các học phần vào từng chuẩn đầu ra để bảo đảm tính hợp lý, hạn chế chồng chéo; phân định rõ vai trò của học phần cơ sở, chuyên ngành và kỹ năng nhằm giữ sự nhất quán với mục tiêu đào tạo; bổ sung giải thích cụ thể ý nghĩa các mức I, R, M, A trong ma trận để tăng tính minh bạch và dễ hiểu; rà soát, điều chỉnh để tăng tỷ lệ và phạm vi học phần tự chọn, tạo sự linh hoạt, cá nhân hóa lộ trình học tập, đáp ứng tốt hơn nhu cầu đa dạng của người học và thị trường lao động.

4. Đa dạng hơn phương thức truyền thông để phổ biến rộng rãi triết lý giáo dục đến các bên liên quan; giải thích đầy đủ hơn nội hàm của triết lý giáo dục để tất cả các bên liên quan ngoài Trường đều hiểu rõ. Triển khai khảo sát ý kiến sinh viên về giảng dạy một cách thường xuyên và hệ thống để thu thập phản hồi đầy đủ, phục vụ cải tiến chất lượng; rà soát, bổ sung nội dung hướng dẫn và biện pháp giám sát, đánh giá hoạt động tự học trong tất cả các đề cương chi tiết học phần, nhằm bảo đảm sinh viên có định hướng rõ ràng và được hỗ trợ hiệu quả trong quá trình tự học.

5. Đa dạng hóa các phương pháp kiểm tra đánh giá trong bài thi kết thúc học phần nhằm phản ánh đầy đủ năng lực và mức độ đạt chuẩn đầu ra của người học; ban hành quy định cụ thể về thời hạn công bố kết quả học tập, bảo đảm người học có đủ thời gian chuẩn bị và tích lũy kiến thức để cải thiện kết quả học tập; xây dựng quy trình đánh giá định kỳ về độ tin cậy, giá trị và tính công bằng của đề thi, tập huấn cho giảng viên về thiết kế công cụ đánh giá; rà soát, tinh gọn quy trình ra đề, phân định rõ trách nhiệm, phát huy vai trò chuyên môn giảng viên và mở rộng ngân hàng đề thi để bảo đảm tính khách quan, khoa học và hiệu quả trong kiểm tra đánh giá; bổ sung quy định cụ thể về thời hạn tối đa giảng viên phải trả bài và phản hồi cho người học và giám sát việc thực hiện nhằm bảo đảm phản hồi kịp thời, giúp nâng cao hiệu quả học tập; bổ sung quy định về thời hạn chấm và công bố kết quả phúc khảo, ban hành mẫu biên bản chấm phúc khảo để bảo đảm tính minh bạch và thống nhất trong thực hiện.

6. Có giải pháp phù hợp để thu hút và ổn định đội ngũ giảng viên có trình độ cao của Khoa và ngành Kế toán; ban hành quy định đánh giá năng lực giảng viên, nghiên cứu viên và tiến hành tổ chức đánh giá đầy đủ, rõ ràng các năng lực của giảng viên nhằm các mục đích khác nhau; thiết kế các tiêu chí đánh giá giảng viên sát với các năng lực đã được xác định và lượng hóa các tiêu chí để có thể đo lường được; tổ chức tổng kết, rút kinh nghiệm hoạt động đào tạo, bồi dưỡng giảng

viên và có kế hoạch hoạt động khoa học dài hạn theo mục tiêu trong Chiến lược để nâng cao thành tích nghiên cứu khoa học.

7. Dự báo xu hướng đào tạo, quy mô sinh viên làm cơ sở lập kế hoạch phát triển đội ngũ nhân viên phù hợp cho từng giai đoạn; cụ thể hoá các tiêu chí tuyển dụng, phản ánh đầy đủ các yêu cầu về năng lực cho từng vị trí việc làm, bổ sung các tiêu chí liên quan đến năng lực số, khả năng ứng dụng công nghệ; xây dựng công cụ hỗ trợ trong việc đánh giá công việc của đội ngũ nhân viên, xây dựng bộ tiêu chí đánh giá có tính định lượng về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo vị trí công việc; tổ chức đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhân viên; cải tiến việc xây dựng kế hoạch, đăng ký thi đua hằng năm của đội ngũ nhân viên để giám sát, đánh giá chất lượng, hiệu quả công việc.

8. Khảo sát, đánh giá nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực hằng năm làm căn cứ xác định chỉ tiêu tuyển sinh phù hợp; phân tích, đối sánh chất lượng học tập của người học theo các phương thức tuyển sinh khác, đánh giá hiệu quả từng phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển; triển khai lịch sinh hoạt lớp định kỳ đối với các cố vấn học tập; đánh giá hoạt động cố vấn học tập làm căn cứ cải tiến chất lượng; bổ sung tính năng cảnh báo tự động đối với những trường hợp sinh viên bị cảnh báo học vụ, chậm tiến độ, thôi học để theo dõi, giám sát một cách dễ dàng; với các nhà sử dụng lao động để có thêm thông tin về cơ hội việc làm cho sinh viên; thành lập bộ phận tư vấn học đường và công tác xã hội trong trường học; khảo sát, đánh giá chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm và các hoạt động tư vấn hỗ trợ/hoạt động ngoại khóa khác, môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong Trường.

9. Có kế hoạch sắp xếp phòng học phù hợp cho các học phần; đầu tư, khai thác hiệu quả tiềm năng của Trung tâm Thông tin - Thư viện; tăng cường liên kết thư viện của Trường với thư viện các trường đại học trong và ngoài nước; rà soát trang thiết bị các phòng thực hành, bổ sung, sửa chữa, mua mới máy tính; cập nhật, nâng cấp phần mềm và trang thiết bị chuyên ngành đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập và nghiên cứu của người học; bổ sung các phần mềm, ứng dụng và khai thác hiệu quả các hệ thống công nghệ thông tin trong quản lý, quản trị và các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học có tính hệ thống và đồng bộ; có lộ trình triển khai đề án chuyển đổi số, bổ sung trang thiết bị công nghệ thông tin đáp ứng tốt hơn nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học; ban hành quy định các tiêu chí về môi trường, sức khỏe và an toàn của Trường theo quy định hiện hành; tổ chức định kỳ khám sức khỏe, thực hiện tư vấn tâm lý cho người học; khảo sát đa dạng các bên liên quan về sự hài lòng đối với hệ thống cơ sở vật chất phục vụ CTĐT.

10. Rà soát quy định và hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan, bổ sung các đơn vị liên quan trực tiếp đến hoạt động thiết kế và phát triển CTĐT, chương trình dạy học; chú trọng thu thập thông tin về nhu cầu đào tạo và yêu cầu về năng lực làm cơ sở rà soát, điều chỉnh và phát triển CTĐT và chương trình dạy học; xây dựng và ban hành quy định về quy trình thiết kế, phát triển CTĐT, chương trình dạy học nâng cao tính pháp lý, khả năng áp

dụng dài hạn; đánh giá sự tương thích và mức độ phù hợp các phương pháp dạy học và phương pháp kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra của học phần; đa dạng hoá tiêu chí đánh giá hoạt động đánh giá kết quả học tập của giảng viên đối với người học; kết hợp hài hòa giữa nghiên cứu chuyên sâu và thiết kế phát triển CTĐT, chương trình dạy học, nâng cao số lượng, tỷ lệ đề tài nghiên cứu phát triển CTĐT, chương trình dạy học, đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá kết quả học tập của CTĐT; rà soát quy định tổ chức khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ, giảng viên và người học về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ, điều chỉnh tiêu chí, thang đánh giá, định kỳ đánh giá đầy đủ chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của phòng thực hành và hệ thống công nghệ thông tin, tách riêng kết quả đánh giá cho CTĐT; rà soát, ban hành mới các quy định về cơ chế phản hồi của các bên liên quan: Quy định về hệ thống bảo đảm chất lượng nội bộ, các quy định về khảo sát các bên liên quan tăng cường kết nối giữa các bên liên quan bên trong và bên ngoài Trường trong việc thu thập, xử lý, chia sẻ và sử dụng thông tin phản hồi.

11. Nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo để việc giám sát, thống kê số sinh viên thôi học, tốt nghiệp và tính thời gian tốt nghiệp trung bình được thuận lợi và chính xác hơn; có giải pháp hiệu quả hơn để giảm tỉ lệ sinh viên thôi học và tăng tỉ lệ sinh viên có việc làm phù hợp với chuyên môn được đào tạo; tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức và năng lực nghiên cứu, khởi nghiệp sáng tạo cho sinh viên; hoàn chỉnh quy định về hoạt động khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan; hằng năm, tổ chức hội nghị chuyên đề tổng kết đánh giá toàn diện về công tác khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan để cải tiến quy trình, công cụ khảo sát, giám sát và đánh giá kết quả cải tiến sau khảo sát.

Trên đây là những kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục với 11 nhóm giải pháp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch với những giải pháp cụ thể và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Nông học của Nhà trường. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long theo quy định hiện hành./.